

Số: 26/2024/QĐST-DS

Hà Tiên, ngày 19 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà H D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình A, chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý và thu hồi nợ

Người đại diện theo uỷ quyền của ông A: Ông Trần Bình H, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Số B N, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp

Bị đơn:

- Ông Huỳnh Văn P, sinh ngày 01/01/1964

- Bà Nguyễn Kim H1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số I, đường T, khu phố C, phường D, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Kim H1 phải thanh toán gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 0822300004300 ngày 22/02/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 08222000027TD ngày 03/5/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 08222000026TD ngày 03/5/2022 là 1.896.960.894 đồng (trong đó: vốn gốc là 1.601.467.161 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi là 295.493.733 đồng) và phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 12/7/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Nếu ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Kim H1 không trả đủ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 737, tờ bản đồ số: 8, diện tích 10088,4 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng: đến tháng 10/2043, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, tọa lạc tại khu phố C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 01/8/2017; Quyền sử dụng đất thửa đất số 706, tờ bản đồ số: 8, diện tích 300,0 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, tọa lạc tại khu phố C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 24/01/2017; Quyền sử dụng đất các thửa đất số 24, 683, 689, 707, tờ bản đồ số: 8, diện tích 1.270,2 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng: thửa 24, 683, 689 đến tháng 3/2021, thửa 707 đến tháng 10/2043, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, tọa lạc tại khu phố C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 24/01/2017, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0822200008000 ngày 05/5/2022.

Ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Kim H1 thống nhất có vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên nay còn nợ và đồng ý trả cho ngân hàng TMCP B số tiền 1.896.960.894 đồng (trong đó: vốn gốc là 1.601.467.161 đồng, tiền lãi là 295.493.733 đồng).

Các bên đương sự thống nhất thời gian và phương thức trả nợ như sau: Ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Kim H1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền 1.896.960.894 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi

ngàn tám trăm chín mươi bốn đồng), trong đó vốn gốc là 1.601.467.161 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ một triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi một đồng), tiền lãi tính đến ngày 11/7/2024 là 295.493.733 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng), cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 12/7/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần B** vào ngày 15/8/2024.

Nếu ông **Huỳnh Văn P** và bà **Nguyễn Kim H1** không thanh toán đúng hạn thì ông **P**, bà **H1** đồng ý giao tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0822200008000 ngày 05/5/2022 là các quyền sử dụng đất mà ngân hàng nêu trên.

Kể từ ngày, **Ngân hàng TMCP B** có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông **Huỳnh Văn P** và bà **Nguyễn Kim H1** chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông **P**, bà **H1** còn phải chịu tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 0822300004300 ngày 22/02/2023, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 08222000027TD ngày 03/5/2022 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 08222000026TD ngày 03/5/2022 tính từ ngày 12/7/2024 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Huỳnh Văn P**, bà **Nguyễn Kim H1** tự nguyện chịu hoàn toàn án phí dân sự sơ thẩm số tiền 34.454.413 đồng, do ông **P** là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí. Bà **H1** phải nộp án phí số tiền là 17.227.206 đồng (Mười bảy triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

Trả lại **Ngân hàng TMCP B** số tiền 32.334.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002005 ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đ